

KẾ HOẠCH

Phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 1121/QĐ-TTg ngày 11/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây giai đoạn 2025 - 2030;

Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung;

Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026-2030;

Quyết định số 405/QĐ-BKHCN ngày 03/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”;

Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số;

Kế hoạch hành động số 09-KH/TU ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên địa bàn Quảng Trị;

Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 10/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên cả 3 trụ cột là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số;

Kế hoạch số 635/KH-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 09-KH/TU ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên địa bàn Quảng Trị;

Kế hoạch số 682/KH-UBND ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Khung kiến trúc số tỉnh Quảng Trị;

Kế hoạch số 687/KH-UBND ngày 26/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên cả 3 trụ cột là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số;

Kế hoạch số 1785/KH-UBND ngày 07/4/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về chuyển đổi số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 – 2030;

Kế hoạch số 1887/KH-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phát triển hạ tầng số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ;

Quyết định số 1998/QĐ-UBND ngày 27/5/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về Phê duyệt Đề án nâng cấp Trung tâm giám sát, Điều hành thông minh, Trung tâm dữ liệu điện tử tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030, định hướng đến 2035.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao cho tỉnh trong Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1033/QĐ-TTg).

- Phát triển kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng mới; xây dựng xã hội số toàn diện, bao trùm; mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ số an toàn, thuận tiện; doanh nghiệp được hỗ trợ chuyển đổi số; các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số và trí tuệ nhân tạo.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%.

2.2. Xã hội số

- Tỷ lệ hộ gia đình được tiếp cận mạng Internet băng rộng cáp quang với tốc độ 1 Gb/s đạt 100%;

- Mạng băng rộng di động 5G đạt tốc độ tối thiểu 100 Mb/s, phủ sóng 99% dân số;

- 100% công dân từ 14 tuổi trở lên và đủ điều kiện có căn cước, tài khoản định danh điện tử;

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%;

- Tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt tối thiểu 70%;

- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 95%;

- Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông đạt tối

thiếu 95%;

- Tỷ lệ sử dụng IPv6 toàn tỉnh đạt 90%-100%.
- 100% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số; Phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia tới 100% hộ gia đình có kết nối Internet.
- Bảo đảm mọi đối tượng người dân đều có cơ hội tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ số.
- Bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an ninh mạng cho người dân, doanh nghiệp khi tham gia vào giao dịch điện tử, dịch vụ số.
- Thúc đẩy hành vi và văn hóa ứng xử có trách nhiệm trên môi trường số.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Phát triển hạ tầng số

Phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, an toàn và bền vững, bảo đảm nền tảng kỹ thuật phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu, vận hành chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh trên toàn tỉnh, tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Chuyển đổi IPv6 toàn diện: Triển khai thực hiện Kế hoạch số 2882/KH-UBND ngày 15/6/2026 của UBND tỉnh về triển khai Chương trình thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi IPv6 Only giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ; phấn đấu đạt tỷ lệ 90-100% sử dụng IPv6 vào năm 2030.
- Các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng để sử dụng, khai thác chung nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí.
- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông phát triển mạng thông tin di động 5G, 6G: Tiếp tục phát triển và phủ sóng 5G tại 100% khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm hành chính, khu du lịch vào cuối năm 2026. Đến năm 2030, tỷ lệ phủ sóng mạng băng rộng di động 5G đạt trên 99% dân số, Xây dựng, bảo đảm năng lực, sẵn sàng triển khai thử nghiệm mạng di động 6G.
- Rà soát, thúc đẩy các doanh nghiệp viễn thông ưu tiên phát triển hạ tầng số kiên cố, bền vững, phù hợp tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai trong đó có tính đến đặc điểm địa hình, loại hình thiên tai thường xuất hiện tại các khu vực. Hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng số tại địa phương nhất là các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ số, dịch vụ hành chính công tại các trung tâm phục vụ hành chính công ở các xã biên giới góp phần rút ngắn khoảng cách số, nâng cao hiệu quả bảo đảm quốc phòng an ninh.
- Phát triển và hoàn thiện hạ tầng dữ liệu, trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây của tỉnh. Quy hoạch và chuyển dịch hệ thống thông tin của Tỉnh lên các

nền tảng điện toán đám mây đạt chuẩn của doanh nghiệp trong nước, hạn chế tối đa việc đầu tư phòng máy chủ nhỏ lẻ tại đơn vị.

- Duy trì, nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh với quy mô đủ lớn, đáp ứng khả năng xử lý, lưu trữ, khai thác và bảo đảm an toàn thông tin. Từng bước mở rộng hệ thống điện toán đám mây dùng chung, triển khai lưu trữ, xử lý dữ liệu và vận hành phần mềm quản lý hành chính trên môi trường cloud. Phát triển hệ thống truyền thanh thông minh tại 100% xã, phường, đặc khu, kết nối Internet phục vụ tuyên truyền, cảnh báo thiên tai, an toàn thông tin, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự. Từng bước hình thành hạ tầng Internet vạn vật (IoT) trong các lĩnh vực nông nghiệp, giao thông, y tế, giáo dục, du lịch, gắn với mục tiêu phát triển đô thị thông minh, quản lý tài nguyên - môi trường, quan trắc khí tượng - thủy văn và cảnh báo thiên tai.

- Triển khai Đề án nâng cấp Trung tâm giám sát, Điều hành thông minh, Trung tâm dữ liệu điện tử tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030, định hướng đến 2035.

- Nâng cao năng lực vận hành, giám sát và bảo trì hạ tầng số. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, vận hành hệ thống thông tin tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện kiểm tra, bảo trì, giám sát định kỳ các hệ thống hạ tầng để bảo đảm hoạt động ổn định, an toàn, liên tục.

- Xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác.

- Ưu tiên bố trí ngân sách cho các dự án trọng điểm, gồm: Kho cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP), trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, mạng truyền số liệu chuyên dùng, trung tâm IOC, trung tâm an ninh mạng của tỉnh và hệ thống truyền thanh thông minh. Đồng thời, huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, tổ chức tài chính, chương trình hợp tác quốc tế để bổ sung đầu tư hạ tầng số của tỉnh.

2. Phát triển nền tảng số

- Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để phát triển và thúc đẩy sử dụng các nền tảng số trên địa bàn tỉnh; nâng cấp nền tảng QuangTri-S theo hướng cung cấp toàn diện các dịch vụ số của cơ quan nhà nước cho doanh nghiệp và người dân.

- Phối hợp nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các nền tảng số quốc gia.

3. Phát triển dữ liệu số

- Ban hành Quy chế quản lý, khai thác, vận hành các nền tảng số, cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung của tỉnh; Kế hoạch triển khai chiến lược dữ liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2030.

- Rà soát nâng cấp, hoàn thiện và vận hành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như đất đai, y tế, giáo dục, nông nghiệp và môi trường, doanh nghiệp...

- Hoàn thiện, mở rộng Kho dữ liệu dùng chung tỉnh; tăng tỷ lệ dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ qua nền tảng LGSP. Duy trì và nâng cấp hạ tầng lưu trữ, phân tích dữ liệu tại Trung tâm IOC tỉnh; kết nối LGSP tỉnh với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP), bảo đảm kết nối hai chiều, an toàn, thông suốt thống nhất theo Khung kiến trúc Chính quyền số.

- Phát triển, chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu. Thực hiện chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu, danh mục dữ liệu dùng chung, đồng bộ giữa các sở, ban, ngành, địa phương; bảo đảm nguyên tắc “dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống”. Tiếp tục triển khai các hoạt động làm sạch dữ liệu dân cư, đất đai, giáo dục, y tế, phục vụ tái sử dụng trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và hoạch định chính sách. Tổ chức cập nhật định kỳ dữ liệu địa lý, tài nguyên, quy hoạch, hạ tầng, dân cư và kinh tế.

- Triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu chuyên ngành trọng điểm, gồm các lĩnh vực: hành chính, đất đai, tài chính, y tế, giáo dục, lao động - xã hội, nông nghiệp, môi trường, văn hóa, tôn giáo, công nghiệp - thương mại, an ninh - phòng cháy chữa cháy, quy hoạch, hạ tầng, dân cư... Tăng cường bảo đảm an toàn dữ liệu, thực hiện phân quyền truy cập, giám sát, sao lưu, phòng ngừa rò rỉ và tấn công mạng; gắn kết quản trị dữ liệu với an ninh mạng tỉnh.

- Công bố dữ liệu mở phục vụ người dân và doanh nghiệp khai thác, tạo ra giá trị mới.

4. Thúc đẩy ứng dụng Trí tuệ nhân tạo

Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các ngành, lĩnh vực nhằm nâng cao năng suất, tối ưu hóa vận hành và đổi mới phương thức ra quyết định trên dữ liệu, bảo đảm các nguyên tắc về đạo đức trí tuệ nhân tạo, an toàn và bảo vệ quyền riêng tư. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiếp cận và ứng dụng AI trong sản xuất, kinh doanh, góp phần hình thành hệ sinh thái ứng dụng AI rộng khắp trong nền kinh tế và xã hội.

5. Bảo đảm an toàn thông tin, An ninh mạng

- Xây dựng, đưa vào vận hành trung tâm an ninh mạng của tỉnh. Triển khai việc kiểm tra, dán tem an toàn thông tin các trang thiết bị, viễn thông, công nghệ thông tin dùng để soạn thảo, lưu trữ nội dung chứa bí mật Nhà nước trước khi đưa vào sử dụng trong các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch tổng thể đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh theo từng giai đoạn. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, bảo vệ bí mật Nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

- Tổ chức diễn tập thực chiến, ứng cứu sự cố an toàn hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Rà soát, đôn đốc, hướng dẫn xây dựng Hồ sơ và triển khai phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ được quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ cho 100% hệ thống thông tin quan trọng trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo 100% hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ an toàn và triển khai phương án bảo vệ theo cấp độ (Mô hình 4 lớp).

- Ứng dụng AI để rà quét, phát hiện và ngăn chặn tin giả, thông tin xấu độc, lừa đảo trực tuyến (Deepfake).

- Ban hành và tổ chức triển khai Kế hoạch kiểm tra bảo vệ bí mật Nhà nước, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.

6. Phát triển nguồn nhân lực số

- Phát triển nhân lực số toàn diện trên toàn tỉnh. Tập trung nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin, dữ liệu và an toàn thông tin trong các cơ quan, đơn vị. Đào tạo kỹ năng số cho 100% cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC); trong đó tối thiểu 30% được đào tạo chuyên sâu về quản trị dữ liệu, AI, an toàn thông tin, khai thác nền tảng số và hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Xây dựng mạng lưới giảng viên, chuyên gia nguồn cấp tỉnh đảm nhiệm việc hướng dẫn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ cấp xã, hình thành lực lượng nòng cốt trong các lĩnh vực dữ liệu, an toàn thông tin, thống kê, truyền thông số.

- Đẩy mạnh hợp tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chuyển đổi số giữa “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp”. Tiếp tục triển khai hiệu quả chương trình phối hợp giữa UBND tỉnh với các Tập đoàn (VNPT, Viettel, FPT...) để tổ chức các khóa đào tạo trực tuyến về chuyển đổi số.

- Khuyến khích lực lượng trẻ và nhân lực tại chỗ tham gia chuyển đổi số. Gắn nội dung chuyển đổi số với hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, xem đây là nhiệm vụ thường xuyên trong phong trào “Chuyển đổi số - nhanh hơn, hiệu quả hơn, gần dân hơn.”

- Xây dựng và triển khai các chương trình bồi dưỡng tư duy chuyển đổi số, quản trị dựa trên dữ liệu cho đội ngũ lãnh đạo các cấp.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ đặc biệt cho các chuyên gia đầu ngành, chuyên gia trình độ cao về chuyển đổi số làm việc trên địa bàn tỉnh. Đưa tiêu chí nhiệm vụ chuyển đổi số vào đánh giá thi đua cán bộ, công chức, viên chức.

7. Phát triển công dân số

- Phát triển công dân số và văn hóa số làm nền tảng xã hội số an toàn, lành mạnh và bao trùm. Hình thành công dân số với định danh điện tử, năng lực số an toàn, có trách nhiệm.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”; tiếp tục duy trì và phát triển Tổ công nghệ số cộng đồng tại 100% xã, phường, đặc khu, nhưng chuyển trọng tâm từ số lượng sang chất lượng hoạt động và kỹ năng thực hành. Tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo chia sẻ kinh nghiệm trong việc hỗ trợ người dân sử dụng nền tảng số như: giao dịch trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và hướng dẫn sử dụng các nền tảng số cơ bản. Khuyến khích các trường học, trung tâm giáo dục, đoàn thể mở chuyên đề “Công dân số”, “Gia đình số”. Đẩy mạnh truyền thông chuyển đổi số qua đài truyền thanh cơ sở, mạng xã hội, Zalo, Facebook...

8. Phát triển kinh tế số và xã hội số một số ngành lĩnh vực

8.1. Ngành nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp số trên cơ sở tích hợp công nghệ số, dữ liệu và quản trị thông minh vào toàn bộ chuỗi giá trị “từ đồng ruộng đến bàn ăn”. Đẩy mạnh ứng dụng IoT, cảm biến, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu trong sản xuất nông nghiệp chính xác; phát triển các nền tảng số nông nghiệp, sàn giao dịch nông sản và hệ thống truy xuất nguồn gốc, dự báo thị trường. Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin ngành nông nghiệp phục vụ quản lý và sản xuất; hình thành hệ sinh thái nông nghiệp số gắn với doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân, thúc đẩy tiếp cận tài chính số, thị trường số và dịch vụ số, hướng tới nông nghiệp xanh, thông minh và bền vững.

8.2. Phát triển thương mại điện tử và doanh nghiệp số

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi mô hình quản trị và kinh doanh sang môi trường số. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận quỹ khoa học và công nghệ, chương trình đổi mới sáng tạo, chính sách tín dụng ưu đãi. Phát triển nền tảng thương mại điện tử tỉnh, khuyến khích hộ sản xuất nông nghiệp, sản phẩm OCOP tham gia sàn buudien.vn. Hợp tác với VNPT, Viettel, FPT... triển khai chương trình “Doanh nghiệp số địa phương”. Xây dựng, triển khai kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số.

- Đẩy mạnh thanh toán điện tử trong lĩnh vực giáo dục, y tế, du lịch và dịch vụ công. Xây dựng mô hình “Chợ số”, “Thôn số”, “Doanh nghiệp số”, “Hợp tác xã số”. Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng nền tảng điện toán đám mây, chữ ký điện tử, hóa đơn điện tử. Phát triển các khu, cụm công nghiệp ứng dụng công nghệ số, tự động hóa, truy xuất nguồn gốc điện tử.

- Triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số. Triển khai chương trình, kế hoạch đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, du lịch... như: Phát triển hệ thống y tế thông minh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và tích hợp, liên thông dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả, tính kịp thời và chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân; Phát triển Giáo dục thông minh, xây dựng kho học liệu mở, đa phương tiện, thúc đẩy việc ứng dụng, sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến, trí tuệ nhân tạo nhằm hỗ trợ đổi mới phương thức dạy và học; Ứng dụng các giải pháp công nghệ số thân thiện môi trường; công nghệ số nâng cao hiệu quả giám sát môi trường, dự báo và quản lý rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu.

8.3. Phát triển du lịch số

Ứng dụng công nghệ số phục vụ quản trị, vận hành hiệu quả các cơ sở du lịch (lưu trú - lữ hành - ăn uống - điểm đến), nâng cao trải nghiệm của du khách; phát triển nền tảng dữ liệu số du lịch quốc gia. Xây dựng các hệ thống thông tin quảng bá và xúc tiến du lịch quốc gia, trong đó đa dạng hóa hình thức du lịch thông qua các chương trình du lịch số, du lịch thực tế ảo; áp dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo hướng tới hình thành các điểm đến thông minh và cá nhân hóa trải nghiệm. Phát triển nhân lực ngành du lịch có kỹ năng sử dụng các nền tảng quản trị, kinh doanh du lịch và các kỹ năng theo tiêu chuẩn nghề du lịch trong nước và ngoài nước.

8.4 Phát triển giáo dục số

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, hình thành hệ sinh thái giáo dục số kết nối học sinh, gia đình, nhà trường và cơ quan quản lý. Xây dựng cơ sở dữ liệu giáo dục, hồ sơ học tập số, học bạ số, quản lý văn bằng, chứng chỉ gắn với định danh cá nhân và liên thông dữ liệu quốc gia. Phát triển kho học liệu số quốc gia, học liệu mở, sách giáo khoa điện tử, mô phỏng, phòng thí nghiệm ảo; ứng dụng AI trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và cá nhân hóa học tập. Phổ cập năng lực số, STEM/STEAM, AI, rô-bốt; xây dựng môi trường học tập số an toàn, nâng cao năng lực số cho giáo viên và nhân rộng lớp học thông minh, trường học thông minh.

8.5. Phát triển y tế số

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế, xây dựng, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu y tế, bảo hiểm y tế, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu đồng bộ từ trung ương đến cơ sở nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, khám bệnh, chữa bệnh và bảo hiểm y tế. Triển khai sổ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử gắn với định danh điện tử của người dân. Phát triển các nền tảng y tế số phục vụ quản lý và cung cấp dịch vụ như quản lý hành nghề, đơn thuốc điện tử, tiêm chủng và khám bệnh, chữa bệnh từ xa và các dịch vụ y tế số cơ bản khác. Tăng cường đào

tạo nhân lực y tế số và thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các công nghệ số tiên tiến trong chẩn đoán, điều trị, theo dõi sức khỏe và quản lý y tế, bảo hiểm

IV. DANH MỤC NHIỆM VỤ

Danh mục nhiệm vụ phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030: *tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.*

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, giám sát và phối hợp với các cấp, các ngành triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Phối hợp với Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, dự án trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

2. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện giám sát, rà soát, phát hiện, hướng dẫn, xử lý kịp thời các điểm yếu, lỗ hổng bảo mật tại các hệ thống thông tin đồng thời tham mưu triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật Nhà nước trên môi trường số trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan tổng hợp dự toán kinh phí do các cơ quan, đơn vị đề xuất, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các quy định pháp luật có liên quan và theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành, bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan xây dựng và triển khai Kế hoạch đào tạo kỹ năng số cho CBCCVC tỉnh; phối hợp với sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số gắn kết với cải cách hành chính.

5. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp xã

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp xã căn cứ vào nội dung tại Kế hoạch này và yêu cầu, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn tại địa phương để cụ thể hóa vào các nhiệm vụ trong Kế hoạch hàng năm, giai đoạn

2026-2030 của cơ quan, đơn vị, địa phương; sắp xếp, bố trí hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí, hỗ trợ nguồn vốn, kinh phí để triển khai thực hiện; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả phát triển kinh tế số và xã hội số của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Tổ chức tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số của cơ quan, ngành, địa phương trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử thành phần của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án của cơ quan, đơn vị mình bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng quy định.

Hàng năm, trước ngày 15/12, các đơn vị, địa phương gửi báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ về UBND tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ. Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, trước ngày 22/12, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp thông tin báo cáo UBND tỉnh về kết quả triển khai các nhiệm vụ theo Phụ lục của Kế hoạch này.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương nghiêm túc triển khai, thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, điều chỉnh phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các doanh nghiệp viễn thông;
- Chánh VP, Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVXL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Xuân Tân

Phụ lục
Danh mục nhiệm vụ phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 -2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	Định kỳ rà soát, cập nhật, bổ sung danh mục các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và quản lý, chỉ đạo điều hành	Các sở, ban, ngành, địa phương	Công an tỉnh	Hàng năm
2	Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để phát triển đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia; cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ và khai thác phục vụ hiệu quả công tác tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Hàng năm
3	Ban hành, triển khai kế hoạch cung cấp dữ liệu mở kèm theo danh mục dữ liệu mở phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	2026-2027
4	Tổ chức phổ cập năng lực số cơ bản cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin, chuyên trách chuyển đổi số; công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất, kinh doanh; học sinh sinh viên; người dân theo Khung năng lực số.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Công an tỉnh	Hàng năm
5	Phối hợp với các bộ, ngành liên quan đẩy mạnh hợp tác trong triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội số giai đoạn 2026 - 2030; tận dụng tối đa các nguồn lực bên ngoài phục vụ mục tiêu phát triển trong nước.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Ngoại vụ	Hàng năm

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
6	Tuyên truyền, phổ biến, triển khai quy chế văn hóa số cộng đồng; kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy tắc ứng xử trên môi trường số của cán bộ, công chức, viên chức.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, địa phương	2026-2030
7	Phát triển hạ tầng số toàn diện đáp ứng kết nối an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn tỉnh. Các nền tảng số dùng chung phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.	Các doanh nghiệp viễn thông, internet	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026-2030
8	Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Ban QL Khu kinh tế; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ; các doanh nghiệp viễn thông, internet, CNTT	2026-2030
9	Triển khai Đề án Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương	Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	2026-2030
10	Xây dựng, triển khai kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã. Các doanh nghiệp viễn thông, internet, CNTT	Hằng năm

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
11	Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 tại cơ sở: Thường xuyên rà soát bổ sung, kiện toàn thành viên; tập huấn trang bị kiến thức và kỹ năng để các tổ chức này thực sự là cánh tay nối dài của chính quyền số	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ; các tổ chức chính trị - xã hội.	
12	Triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Hội doanh nghiệp, Liên minh hợp tác xã tỉnh	2026-2030
13	Triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Hội doanh nghiệp, Liên minh hợp tác xã tỉnh; các doanh nghiệp viễn thông, internet, CNTT	2026-2030
14	Triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số, tổ chức, cá nhân có năng lực, thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số tại tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã; các doanh nghiệp công nghệ số	2026-2030

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
15	Phát triển các hệ thống thông minh hỗ trợ, phục vụ người dân và doanh nghiệp trên môi trường số.	Các sở, ban, ngành	UBND cấp xã; các doanh nghiệp và người dân	2026-2030
16	Nâng cấp, tích hợp, đồng bộ hóa hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu dùng chung về Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai; Xây dựng phần mềm báo cáo thiệt hại thiên tai trực tuyến và hệ thống bản đồ số chuyên đề phục vụ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ khai thác, quản lý cơ sở dữ liệu về Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	2026-2030
17	Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh, đặc biệt trong triển khai xây dựng mạng chuyên dùng và trung tâm điện toán đám mây tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	2026-2030